

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 295/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị B**; sinh năm: 1991; Địa chỉ: Đường B, KDC M, khóm 1, phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Tài L**; sinh năm: 1992; Địa chỉ: Đường B, KDC M, khóm 1, phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị B và ông Nguyễn Tài L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị B và ông Nguyễn Tài L thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông bà có 01 người con chung tên Nguyễn Trần Thùy D (nữ, sinh ngày 06/9/2015). Sau khi ly hôn, bà B và ông L thống nhất giao cháu Nguyễn Trần Thùy D cho bà Trần Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Thùy D đủ 18 tuổi. Hiện cháu Thùy D đang do bà B trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Trần Thị B và ông Nguyễn Tài L thống nhất ông Nguyễn Tài L không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Tài L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Trần Thùy D mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: bà Trần Thị B và ông Nguyễn Tài L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: bà Trần Thị B và ông Nguyễn Tài L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí ly hôn số tiền 150.000 đồng, bà Trần Thị B tự nguyện xin chịu toàn bộ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004800 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho bà Trần Thị B số tiền tạm ứng án phí còn thừa 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Uyên